



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng tìm việc làm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000548	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	10					
2	000549	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	10					HP
3	000550	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	10					
4	000551	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	10					
5	000552	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	10					
6	000553	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	10					
7	000554	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	10					
8	000555	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	10					HP,ĐK
9	000556	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	10					
10	000557	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	10					
11	000558	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	10					
12	000559	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	10					
13	000560	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	10					
14	000561	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	10					
15	000562	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	10					HP
16	000563	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	10					
17	000564	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	10					
18	000565	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	10					
19	000566	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	10					
20	000567	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	10					
21	000568	1101020240	Phan Thị	Phương	03/05/2005	KD11E	10					
22	000569	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	10					
23	000570	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	10					
24	000571	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	10					
25	000572	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	10					
26	000573	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	10					
27	000574	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	10					
28	000575	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	10					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000576	1101021046	Nguyễn Thùy	Tiên	11/11/2005	KD11E	10					
30	000577	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	10					
31	000578	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	10					HP
32	000579	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	10					
33	000580	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	10					
34	000581	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	10					
35	000582	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	10					
36	000583	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	10					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2